

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 352 /STC - ĐT

Quảng Trị, ngày 05 tháng 02 năm 2016

PHÒNG ĐIỀU PHỐI CTMTGG XÂY DỰNG NTM	
TỈNH QUẢNG TRỊ	
HỌ TÊN	SỐ: 82
Ngày: 12/1	02/2016
Chuyên:	

- L. Dao
- N. Tài
- K. Tài
B

HƯỚNG DẪN

Quản lý, thanh quyết toán nguồn vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng đường trục thôn, xóm, ngõ xóm, khu thể thao xã, thôn, bản và kiên cố hóa kênh mương nội đồng theo Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ- TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT –BNNPTNN-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/T-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 25/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 3/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về thanh toán, quyết toán các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Thực hiện chương trình công tác trọng tâm năm 2015 của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại công văn số 15/UBND-NN ngày 05 tháng 01 năm 2016 về việc giao hướng dẫn thủ tục về quản lý, thanh quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng đường trục thôn, xóm, ngõ xóm, khu thể thao xã, thôn, bản và kiên cố hóa kênh mương nội đồng theo Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Sở Tài chính hướng dẫn như sau :

1. Phạm vi điều chỉnh

Các xã xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn phục vụ đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc huy động nguồn lực, thực hiện lồng ghép nguồn vốn và tổ chức quản lý, đầu tư xây dựng nông thôn mới.

2.2 Các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

a) Hệ thống đường giao thông: Đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông trục thôn, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng, cầu giao thông nông thôn.

b) Hệ thống thủy lợi: Hệ thống kênh tưới, tiêu thoát nước, thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất và dân sinh.

c) Hệ thống thoát nước thải khu dân cư, hệ thống cung cấp điện, bưu điện, cung cấp nước sạch hợp vệ sinh đến các hộ dân, khu sản xuất, làng nghề.

d) Hệ thống chợ nông thôn.

e) Nhà văn hóa và khu thể thao xã, trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Văn phòng Ban điều hành thôn kết hợp tụ điểm sinh hoạt văn hóa thể thao, sân bóng đá, công trình văn hóa lịch sử, nhà ở dân cư, nghĩa trang...

g) Trường học các cấp, trạm y tế xã

2.3. Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã được đầu tư bằng các nguồn vốn khác (không thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước) khuyến khích vận dụng theo Quy định này.

3. Công tác lập kế hoạch

3.1. Lập kế hoạch trung hạn

Căn cứ quy định về phương thức thực hiện và nguyên tắc hỗ trợ của ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã lập kế hoạch phân vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch vận động doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân hỗ trợ, đóng góp bằng nguyên vật liệu hoặc bằng tiền để xây dựng đường trục thôn, xóm, ngõ xóm, khu thể thao xã, thôn, bản và kiên cố hóa kênh mương nội đồng đã được phê duyệt trong quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới của xã (kế hoạch 2015-2020 trong đó chia ra từng năm).

3.2. Lập kế hoạch năm

Căn cứ kế hoạch trung hạn, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch năm và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư thôn, bản và xã viên hợp tác xã quản lý kênh mương nội đồng, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định, việc quyết định phải rõ cả chủ trương đầu tư, danh mục, dự toán các công trình đầu tư; phân hỗ trợ của nhà nước, phân huy động đóng góp của nhân dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Mức hỗ

trợ tối đa của nhà nước về xi măng và vật liệu cần thiết (*đá, cát, sạn*) được quy định tại Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân xã gửi kế hoạch năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước tháng 10 hàng năm cho các dự án (công trình) đã được phê duyệt trước 30 tháng 9 để chuẩn bị cho kế hoạch năm sau.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các công trình được hỗ trợ xi măng và vật liệu cần thiết cho các huyện.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm phân bổ kế hoạch chi tiết theo từng công trình cho các xã để thực hiện. Quyết định phân bổ vốn được gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, kiểm tra theo quy định.

4. Quản lý kinh phí hỗ trợ

Đối với phần hỗ trợ kinh phí vật liệu cần thiết (*đá, cát, sạn*): Thanh toán bằng tiền mặt cho đơn vị thi công tự thực hiện.

Đối với phần hỗ trợ kinh phí xi măng: Căn cứ kế hoạch ngân sách năm được Ủy ban nhân dân huyện giao cho từng công trình của xã, Ủy ban nhân dân xã xác định khối lượng xi măng cần thiết để thực hiện công trình và ký hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng xi măng theo phương thức đã được các công ty xi măng thông báo, về giá theo giá bán đầu nguồn của doanh nghiệp thông báo (*đã bao gồm cả chi phí vận chuyển, bốc xếp xi măng xuống địa điểm tập kết vật liệu ở các xã*).

Để việc cung ứng xi măng phù hợp với tiến độ huy động các nguồn lực huy động khác, trước khi ký Hợp đồng Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm báo cáo để có xác nhận của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đã huy động đủ các nguồn lực khác cho công trình đã được Ủy ban nhân dân huyện giao kế hoạch (*Biểu mẫu số 01 kèm theo*). Việc ký Hợp đồng cung ứng xi măng chỉ được thực hiện khi có đủ các nguồn lực khác.

Ban quản lý xây dựng Nông thôn mới của xã (Ban quản lý) tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng để thực hiện công trình và quyết toán theo đúng quy định. Việc bảo quản xi măng phải đảm bảo không để chất lượng bị xuống cấp và thất thoát; khi xuất xi măng để giao cho tổ chức thi công phải có chứng từ theo quy định. Ban quản lý chịu trách nhiệm đền bù về những thiệt hại nếu để chất lượng xi măng bị xuống cấp hoặc thất thoát do nguyên nhân chủ quan của mình gây ra.

5. Thanh toán vốn hỗ trợ và thanh quyết toán công trình

5.1. Thanh toán vốn hỗ trợ

Định kỳ vào ngày 15 tháng cuối quý, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổng hợp quyết toán xây dựng cơ bản hoặc khối lượng thực hiện điểm dừng giai đoạn

của các công trình thuộc các xã và Hợp đồng cung ứng xi măng của các xã với doanh nghiệp cung ứng xi măng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 20 tháng cuối quý để thực hiện cấp phát theo quy định.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch để cấp kinh phí gồm:

- Công văn của Ủy ban nhân dân xã gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ xi măng và vật liệu cần thiết (đá, cát, sạn) làm đường trục thôn, xóm, ngõ xóm, khu thể thao xã, thôn, bản và kiên cố hóa kênh mương nội đồng

- Biểu tổng hợp huy động nguồn lực của xã thuộc huyện để thực hiện công trình (Biểu số 01 kèm theo);

- Biểu tổng hợp quyết toán công trình hoặc khối lượng thực hiện theo điểm dừng giai đoạn và Hợp đồng cung ứng xi măng (Biểu số 02 kèm theo);

Sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân xã kèm theo các tài liệu nêu trên, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp kinh phí cho xã để xã thanh toán trực tiếp với đơn vị cung ứng xi măng và cấp kinh phí hỗ trợ vật liệu cần thiết (đá, cát, sạn) cho đơn vị tổ chức thi công.

5.2. Quyết toán

a) Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm

Chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách theo mẫu quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; văn bản số 6549/BTC-ĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 210/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 và các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế (nếu có).

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện để thẩm định, ra thông báo quyết toán vốn theo quy định.

b) Quyết toán công trình hoàn thành

Các dự án đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định.

Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải tổng hợp cả phần nhân dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, ngày công lao động để xác định giá trị công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đối với đóng góp bằng hiện vật Ủy ban nhân dân xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật để thống nhất xác định giá trị vật tư đã đóng góp theo giá vật tư cùng loại trên thị trường địa phương tại thời điểm tiếp nhận vật liệu. Đối với đơn giá ngày công lao động được xác định theo số lượng

ngày công lao động thực tế và đơn giá ngày công lao động phổ thông thực tế tại địa phương.

Hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính; Biên bản giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã chịu trách nhiệm thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan và do người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định.

Thời hạn thẩm tra quyết toán công trình: Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 03 tháng, chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Chậm nhất sau 02 tháng, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo phân cấp của tỉnh.

Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và gửi cho các cơ quan, đơn vị: Chủ đầu tư; Kho bạc Nhà nước (nơi chủ đầu tư mở tài khoản); Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được lập và lưu trữ theo chế độ lưu trữ hồ sơ.

Sau khi quyết toán công trình hoàn thành được phê duyệt, Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan làm thủ tục thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách huyện, thị xã và xã toàn bộ phần giá trị nhân dân đóng góp theo quy định.

5.3. Bàn giao công trình

Sau khi nghiệm thu và hoàn thiện các cơ sở pháp lý khác đối với công trình, Ban Quản lý phải bàn giao công trình và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho Ủy ban nhân dân xã để quản lý, sử dụng và theo dõi tài sản theo chế độ quy định hiện hành.

6. Trách nhiệm quyền hạn của các cơ quan liên quan

6.1. Đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện công tác đầu tư XD CB các công trình (thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, giám sát thi công, thanh quyết toán công trình, ...) không hướng dẫn tại văn bản này thì thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với ngân sách cấp xã (Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số

800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn và các văn bản khác có liên quan...).

6.2. Định kỳ hàng quý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã rà soát tiến độ thực hiện của các xã để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ xi măng và vật liệu cần thiết theo thẩm quyền, chuyển kế hoạch hỗ trợ trong năm của những địa phương không thực hiện sang các địa phương khác có khả năng thực hiện vượt kế hoạch trong năm (nếu có). Thời hạn điều chỉnh kế hoạch chậm nhất trước ngày 30 tháng 11 năm kế hoạch.

6.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch xác nhận việc các xã đã huy động đủ các nguồn lực khác (bằng tiền và hiện vật) trước khi ký Hợp đồng cung ứng xi măng; đồng thời chỉ đạo các phòng ban chức năng có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã thực hiện huy động các nguồn lực khác, quản lý và quyết toán vốn đúng quy định.

6.4. Phòng Tài chính- Kế hoạch có trách nhiệm cấp kinh phí cho các xã, phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra tình hình thực hiện và thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp xử lý theo quy định./. *h*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, TX;
- KBNN Quảng Trị;
- Các Sở: KH&ĐT; NN&PTNT; XD;
- KBNN các huyện, thị xã;
- Văn phòng BCĐ NTM;
- UBND các xã NTM;
- GD, các PGD;
- Lưu VT, QLNS, ĐT.

**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã.....

Mẫu biểu số 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /BC- UB

....., ngày tháng..... năm.....

BÁO CÁO
VỀ VIỆC HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐƯỜNG TRỤC THÔN, XÓM, NGÕ, KHU THỂ THAO XÃ, THÔN, BẢN
VÀ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG NỘI ĐỒNG

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện.....;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.....

Thực hiện Quyết định số.....của UBND huyện về việc giao kế hoạch hỗ trợ xi măng và vật liệu cần thiết để làm đường giao thông nội đồng của xã, UBND xã.....đã trình HĐND xã có Nghị quyết về huy động nguồn lực để thực hiện công trình..... Đến thời điểm....., việc huy động đã đảm bảo như sau:

Tên công trình/Chi tiết dự toán	Dự toán được duyệt (1)		Ngân sách hỗ trợ (2)		Đã huy động (3)	
	Kinh phí (trđ)	Khối lượng (m3/tấn/công)	Bảng tiền (trđ)	Bảng hiện vật (m3/tấn/công)	Bảng tiền (trđ)	Bảng hiện vật (m3/tấn/công)
I/Tổng DT được duyệt công trình.....						
1. Xi măng						
2. Cát						
3. Đá						
4. Sỏi						
5. Các NVL khác						
6. Nhân công						
7. Khác						
II/Tổng DT được duyệt công trình đường.....						
.....						
Tổng cộng						

Ghi chú:

- (1). Ghi theo dự toán được duyệt của cấp có thẩm quyền về khối lượng và kinh phí.
 - (2) Ghi theo thực tế ngân sách cấp tỉnh cấp bằng tiền hoặc bằng nguyên vật liệu
 - (3). Ghi theo thực tế đã huy động được bằng tiền hoặc bằng nguyên vật liệu (phần bằng tiền bao gồm cả kinh phí đã huy động được của dân, của nhà tài trợ và nguồn của ngân sách xã, ngân sách huyện. Riêng nguồn ngân sách xã phải báo cáo rõ từ nguồn nào (thu cấp quyền sử dụng đất, tăng thu, khác,...).
- UBND xã.....báo cáo các cấp có thẩm quyền và đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện xác nhận./.

Xác nhận của Phòng TC-KH huyện

**T/M. UBND xã.....
CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã.....

Số: /BC- UB

Mẫu biểu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH THEO CHẾ ĐỘ XDCB
VỚI HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG XI MĂNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
ĐƯỜNG TRỤC THÔN, XÓM, NGÕ, KHU THỂ THAO XÃ, THÔN, BẢN VÀ
KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG NỘI ĐỒNG**

Tên xã	Dự toán được duyệt (1)		Quyết toán /khối lượng hoàn thành (2)		Hợp đồng đã ký (3)	
	Kinh phí (trđ)	Khối lượng (tấn)	Kinh phí (trđ)	Khối lượng (tấn)	Kinh phí (trđ)	Khối lượng (tấn)
I/ Công trình.....						
- Tổng số						
- Trong đó xi măng						
II/ Công trình.....						
- Tổng số						
- Trong đó xi măng						
.....						
Tổng cộng của xã						
- Tổng số						
- Trong đó xi măng						

T/M. UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH

Ghi chú:

- (1) Dòng “tổng số” ghi theo số liệu đã có trong dự toán được duyệt và bảng (1) của Mẫu biểu số 02;
- (1) Dòng “trong đó xi măng” ghi theo số liệu của vật liệu xi măng đã có trong dự toán được duyệt;
- (2) Dòng “tổng số” ghi theo số liệu thực quyết toán đã được thẩm định hoặc theo khối lượng điểm dùng theo chế độ XDCB;

- (2) Dòng “trong đó xi măng” ghi theo số liệu của vật liệu xi măng được xác định trong quyết toán đã được thẩm định hoặc theo khối lượng điểm dừng theo chế độ XD CB;
- (3) Dòng “tổng số” không phải điền số liệu, dòng “trong đó xi măng” ghi theo số liệu đã ký trong Hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng xi măng.